

Bản án số: **11/2021/HS-ST**
Ngày: 25 - 01 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Hiếu**

Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Xuân Vinh**
2. Ông **Thái Văn Phúc**
3. Ông **Danh Hoàng Duyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Hồ** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Tổng Văn P, sinh năm: 1981, tại huyện Q, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Khu phố 7, thị trấn D, huyện (nay là thành phố) Q, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh, trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Tổng Văn S1** (đã chết) và bà **Lê Thị G**, vợ **Trương Thị Đ** (đã ly hôn) có 02 người con, lớn sinh năm 2011 và nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/02/2020 cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo: Luật sư **Phạm K**, thuộc Văn phòng Luật sư Phạm K, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị hại: Ông **Trần Văn S2** (Chết)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà **Tổng Thị H**, sinh năm 1972 (vợ bị hại - có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1938 (mẹ bị hại – có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lê Thị G**, sinh năm 1945 (mẹ bị cáo – có mặt)

Nơi cư trú: Tô 8, khu phố 7, thị trấn D, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 25/02/2020, Tống Văn P về nhà thì nghe Huỳnh Thị H (bạn G của P) nói lại sự việc bà Lê Thị G (mẹ ruột P) chửi người giúp việc nhà P làm chị này bỏ đi. P tức giận đi tìm bà G, khi đi P có đem theo một cây dao bấm bằng kim loại màu trắng, cán dao được ốp nhựa màu đen, lưỡi dao bằng kim loại dài 13 cm, mũi dao nhọn. P đi qua nhà Tống Thị H (chị ruột P) thì gặp bà G, P chửi bà G thì H can ngăn và chửi lại P. Lúc này, Trần Văn S2 (chồng H) đang có mặt ở nhà chứng kiến sự việc nên cự cãi với P. S2 nói: “Mày qua nhà tao, mày tính quậy phải không?”. P nói: “Chuyện của gia đình tôi, anh không được can thiệp vào”. Lúc này, S2 tiến gần lại chỗ P đứng, dùng tay đẩy P, P cầm dao bằng tay phải giơ lên và nói “Anh đừng có ép tôi” nhưng S2 vẫn tiến tới chỗ P. Lúc này, P cầm dao bằng tay phải đâm một nhát trúng vào ngực trái của S2. Trần Văn M có mặt chứng kiến sự việc nên can ngăn P nên P cầm dao bỏ về nhà. S2 được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa huyện Q nhưng đã tử vong. Cùng ngày, Tống Văn P bị Công an huyện Q, tỉnh Kiên Giang bắt khẩn cấp, sau đó ra Quyết định tạm giữ. Đến ngày 02/3/2020, P bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Kiên Giang khởi tố về hành vi giết người và bị tạm giam đến nay.

Trong quá trình điều tra và truy tố, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo. Gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại 310.000.000 đồng, gia đình bị hại đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* **Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 181/KL-KTHS ngày 04/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận đối với Trần Văn S2, sinh năm: 1972 như sau:**

1. Các kết quả chính

- Trên người nạn nhân, vết thương dẫn đến tử vong là vết thương ở đường nách trước bên trái, khoang liên sườn 6-7 và cách hõm nách 16 cm, bờ mép sắc gọn kích thước 1,8 cm x 0,8 cm, sâu thủng vào khoang ngực trái theo hướng từ trái

sang phải và chéch lên; Gãy đứt cơ gian sườn 6-7 bên trái; Đứt thủng cơ hoành bên trái và đứt thủng thùy dưới phổi trái.

- Khoang màng phổi trái có khoảng 1000ml máu loãng.

- Ổ bụng có khoảng 500ml máu loãng.

- Bệnh án ngoại khoa của Bệnh viện Đa khoa huyện Q với chẩn đoán: Suy hô hấp, suy tuần hoàn/ sốc mất máu không hồi phục do bị đâm.

2. Nguyên nhân chết: Sốc mất máu không hồi phục do vết thương thấu ngực trái gây đứt thủng thùy dưới phổi trái.

3. Cơ chế hình thành thương tích: Vết thương gây nên tử vong trên người Trần Văn S2 có đặc điểm phù hợp với đặc điểm vết thương do vật sắc nhọn gây nên.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 267/2020/KLGĐ ngày 30/10/2020 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Tống Văn P như sau:

- Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại, đương sự có bệnh lý tâm thần: Giai đoạn trầm cảm vừa (F32.1-ICD10).

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại, đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* Công văn số 267.0/PYTT ngày 30/10/2020 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Tống Văn P:

Về trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại, đương sự có năng lực trách nhiệm hình sự.

* Vật chứng vụ án gồm:

01 (một) cây dao bấm kim loại màu trắng, chiều dài cán dao 18cm, bên ngoài cán dao có ốp bằng nhựa màu đen, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 13cm, mũi dao nhọn, trên dao có dính chất dịch màu nâu.

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKSTKG-P2 ngày 07/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Tống Văn P về tội “Giết người”, theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Tống Văn P về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và nhận định: Bị cáo đã dùng hung khí là dao bấm bằng kim loại, sắc bén đâm vào vùng trọng yếu của người bị hại, gây ra cái

chết cho người bị hại; tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội liêu lĩnh, táo bạo, hung hăng, côn đồ. Nên cần tuyên cho bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, cần xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường chi phí mai táng và tổn thất tinh thần cho gia đình người bị hại; đại diện gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại thời điểm phạm tội và hiện tại bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Tống Văn P phạm tội “Giết người”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s, q khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tống Văn P – Mức án từ 12 năm tù đến 14 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại và bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong và tại phiên tòa đại diện bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy vật chứng liên quan đến vụ án và không còn giá trị sử dụng theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 18/QĐ-VKS-P2 ngày 05/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Luật sư Phạm K phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo như sau: Luật sư thống nhất về tội danh và hành vi phạm tội của bị cáo như Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Luật sư đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là đầu thú, bị cáo bị bệnh hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện cùng gia đình bồi thường toàn bộ chi phí mai táng và tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, q khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Tống Văn P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời khai tại Cơ quan điều tra, cũng như nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Tống Thị H và bà Bùi Thị L có đơn xin vắng mặt xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất để có điều kiện nuôi hai con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Bị cáo Tống Văn P khai nhận do bức tức trong lúc cãi nhau nên đã dùng dao đâm vào ngực trái của Trần Văn S2 một nhát làm anh S2 tử vong. Lời khai của chị Tống Thị H xác nhận Tống Văn P qua nhà chị có lời qua tiếng lại với chồng chị, chị có khuyên can và không nhìn thấy trực tiếp bị cáo đâm anh S2 nhưng ngay lúc đó chị thấy trên người anh S2 máu chảy ra rất nhiều. Bà Lê Thị G và người làm chứng Trần Văn M cũng xác nhận nhìn thấy bị cáo cầm dao đâm vào người của S2 một nhát. Qua lời khai của bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người làm chứng đã hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả giám định, hung khí thu được tại hiện trường và các chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đủ căn cứ kết luận: Bị cáo đã có ý thức tước đoạt mạng sống của người bị hại và hậu quả chết người đã xảy ra, do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với tình tiết định khung “có tính chất côn đồ” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo đã chuẩn bị hung khí từ nhà của mình sang nhà bị hại và chỉ vài câu nói qua lại bị cáo đã đâm người bị hại trong lúc có nhiều người can ngăn, hơn nữa sự việc xảy ra trong gia đình còn nhiều cách giải quyết ôn hòa nhưng bị cáo lại dùng vũ lực và hung khí nguy hiểm tấn công người bị hại.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật, gây ra cảnh đau thương mất mát lớn lao không gì bù đắp được và làm tổn hại rất lớn về mặt tinh thần cho gia đình bị hại; không những ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương mà còn tác động tiêu cực đến truyền thống đạo đức của con người Việt

Namm. Do đó, hành vi của bị cáo phải được xử lý nghiêm, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới đảm bảo được tính giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; đã tích cực động viên gia đình bồi thường xong tiền tổn thất tinh thần và chi phí mai táng cho gia đình bị hại; tại thời điểm phạm tội và hiện tại bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm b, q, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử thông nhất các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng các điều luật đã đề nghị tại phiên tòa để áp dụng quyết định mức hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo thì HĐXX không chấp nhận, do bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ, trong đó có tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 do bị cáo bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi mới dẫn đến hành vi phạm tội của mình.

[6] Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Luật sư đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, q, s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, đối với đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết đầu thú cho bị cáo là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, đại diện hợp pháp của bị hại là bà Tống Thị H và bà Bùi Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí mai táng cho bị hại 240.000.000 đồng và tổn thất tinh thần 70.000.000 đồng, tổng cộng là 310.000.000 đồng; bà Lê Thị G (mẹ ruột của bị cáo) đã bồi thường toàn bộ số tiền trên cho gia đình bị hại. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại là bà H và bà Bùi Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy, việc tự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận sự tự thỏa thuận này, không buộc bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 (một) cây dao bấm kim loại màu trắng, chiều dài cán dao 18 cm, bên ngoài cán dao có ốp bằng nhựa màu đen, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 13cm, mũi dao nhọn, trên dao có dính chất dịch màu nâu. Xét vật chứng này là công cụ thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

Vật chứng theo Quyết định chuyển giao số 18/QĐ-VKS-P2 ngày 05/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Tổng Văn P** phạm tội “**Giết người**”.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, q, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Tổng Văn P – 08 (Tám) năm tù**, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/02/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, Điều 591 Bộ luật dân sự

Ghi nhận sự tự thỏa thuận của người đại diện hợp pháp của người bị hại, bị cáo và người thân của bị cáo về việc gia đình bị cáo đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại toàn bộ chi phí mai táng là 240.000.000 đồng và tổn thất tinh thần do tính mạng bị xâm hại là 70.000.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 310.000.000 đồng (bị cáo đã bồi thường xong).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 18/QĐ-VKS-P2 ngày 05/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15

(Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25/01/2021). Riêng bà Bùi Thị L thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1)
- VKSNDCC tại Tp. HCM (1);
- TANDCC tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (2);
- Bị cáo (1);
- ĐDHP của bị hại (2);
- Luật sư (1);
- Người liên quan (1)
- Lưu (7);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Minh Hiếu